

LOẠI ĐỆM KÍN KIM LOẠI

Những đầu nối đai ốc được hàn trực tiếp với ống.

Những ống khớp nhau tốt nhất với khoảng rộng của trạng thái ống dẫn từ dây chuyền làm việc tới ống với một số chỗ uốn cong lặp lại có thể được chọn lựa.

* Đường kính danh nghĩa: 6A ÷ 100A.

* Chiều dài tiêu chuẩn: 200, 300, 400, 500, 600, 800, 1000mm.

• Các chiều dài khác có thể cung cấp theo yêu cầu.

* Vật liệu đầu nối: Thép Cacbon, thép không gỉ.

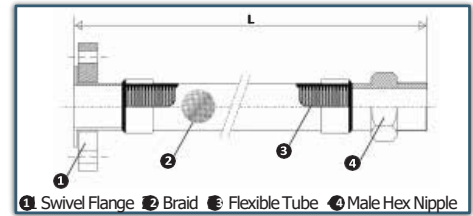
* Phạm vi ứng dụng:

• Sản phẩm được dùng trong các điều kiện nhiệt độ và áp suất.

• Sản phẩm này kết nối dễ dàng tới ống với một ống nối được ghép chồng.

• Sản phẩm có thể lắp tới những ống có ren côn ngoài và lỗ ren côn trong.

• Sử dụng kết hợp với S225 (ống ren trong hay ren ngoài) khi một đầu là khớp nối xoay..



SSK1: Single Braid



SSK2: Double Braids

THREADED END TYPE

• The screw fittings (nipples or sockets) are directly welded to the tube.

• Tubes best fitted to wide range of service conditions from straight line service to piping with a number of repeated bents may be selected.

* Nominal diameter: 6A ÷ 100A.

* Standard length: 200, 300, 400, 500, 600, 800, 1000mm.

• Other length is available on request.

* Fitting materials: Carbon steel, stainless steel.

* Application:

• The product is applicable to the entire range of pressure and temperature conditions.

• This product is convenient for connection to a pipe with a lapped adapter.

• This product is adaptable to pipes of male and female taper threads (a pipe with SM on one side and with SF on the other side).

• Use in combination with S225 (male or female adapter) when one end is the swivel type.

Kích thước Danh nghĩa (Nominal diameter)		Loại ống (hose type)	Áp suất làm việc lớn nhất tại 20 °C (maximum working pressure at 20 °C) Bar	Áp suất thử lớn nhất tại 20 °C (maximum test pressure at 20 °C) Bar	Nhiệt độ làm việc lớn nhất (maximum working temperature)	Bán kính cong nhỏ nhất (minimum bend radius flexing)		Đường kính ngoài danh nghĩa (nominal O.D)	
						Mm	inch	Mm	inch
6	1/4	SST 1	85	121	350 °C	100	4	11.0	0.44
		SST 2	150	220		100	4	12.4	0.50
10	3/8	SST 1	60	89	350 °C	125	5	14.5	0.56
		SST 2	125	180		125	5	16.3	0.69
15	1/2	SST 1	35	51.5	350 °C	125	5	16.0	0.80
		SST 2	55	75		125	5	21.4	0.86
20	3/4	SST 1	30	45	350 °C	150	6	27.5	1.08
		SST 2	46	70		150	6	29.1	1.16
25	1	SST 1	24	35	350 °C	175	7	42.0	1.38
		SST 2	35	48		175	7	44.6	1.46
32	1 1/4	SST 1	20	29	350 °C	200	8	42.0	1.68
		SST 2	30	42		200	8	44.5	1.78
40	1 1/2	SST 1	20	30	350 °C	250	10	51.0	2.00
		SST 2	25	45		250	10	53.5	2.08
50	2	SST 1	16	25	350 °C	350	14	63.0	2.52
		SST 2	26	36.5		350	14	65.1	2.62
65	2 1/2	SST 1	16	25	350 °C	500	20	81.0	3.54
		SST 2	26	36.5		500	20	84.0	3.63
80	3	SST 1	16	25	350 °C	525	21	98.0	3.92
		SST 2	26	36.5		525	21	101.0	4.04
100	4	SST 1	16	25	350 °C	625	25	130.0	5.20
		SST 2	26	36.5		625	25	132.0	5.28